

Số: 77/2023/DTD/CBTT

Hà Nam, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3,4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt

- Mã chứng khoán: DTD
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại liên hệ: 02263.883.136
- Email: thanhdathn2010@gmail.com Website: <http://thanhdathanam.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC soát xét bán niên năm 2023:

- ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTCKT có chênh lệch trên 5% so với BCTC trước kiểm toán?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình lợi nhuận chênh lệch trên 5% so với báo cáo trước kiểm toán:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2023 tại đường dẫn: <http://thanhdathanam.vn/quan-he-co-dong/thong-tin-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên: Không có.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Việt Đức



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 40
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc	11 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Ngày 12/05/2023, Công ty đã nhận sáp nhập Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 ngày 12/05/2023.

Công ty có trụ sở tại: đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Huy Cương	Chủ tịch HĐQT
- Bà Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Hữu Thuyết	Thành viên HĐQT
- Ông Trần Việt Đức	Thành viên HĐQT
- Ông Vũ Sơn Tùng	Thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Việt Đức	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Trí	Phó Tổng giám đốc
- Bà Dương Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Văn Hà	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Đức Dụ	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nam, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Việt Đức



Số: 105/2023/ASCO/BCKT

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt**

Chúng tôi, Công ty TNHH Hăng kiểm toán và Định giá ASCO, đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 35 – Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán, đến ngày 12/05/2023, Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt không còn là công ty con của Công ty do đã được sáp nhập vào Công ty mẹ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của công ty đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán này đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO



Lê Minh Tâm

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4557-2019-149-1*

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độKỳ kế toán từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		330.323.259.559	248.924.061.911
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	71.478.001.141	17.883.331.230
1. Tiền	111		21.241.425.798	17.883.331.230
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.236.575.343	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.671.801.351	5.407.152.783
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11	5.671.801.351	5.407.152.783
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.756.674.423	104.696.825.050
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	146.991.271.004	100.750.645.955
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	10.453.929.863	6.740.191.738
3. Các khoản phải thu khác	136	6	138.002.325	32.516.126
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(2.826.528.769)	(2.826.528.769)
IV. Hàng tồn kho	140	7	88.022.902.464	113.942.990.858
1. Hàng tồn kho	141		88.022.902.464	113.942.990.858
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.393.880.180	6.993.761.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	201.937.194	673.841.815
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.432.592.332	5.560.760.319
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	759.350.654	759.159.856
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		602.062.123.774	570.789.551.675
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.236.530.682	52.236.530.682
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	52.236.530.682	52.236.530.682
II. Tài sản cố định	220		192.746.494.304	123.458.199.738
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	192.746.494.304	123.458.199.738
- Nguyên giá	222		294.155.713.834	218.918.620.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.409.219.530)	(95.460.421.113)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	9	101.261.823.991	77.324.115.175
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		101.261.823.991	77.324.115.175
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	252.330.763.914	314.680.945.754
1. Đầu tư vào công ty con	251		227.674.900.000	292.674.900.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39.000.000.000	39.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.344.136.086)	(16.993.954.246)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.486.510.883	3.089.760.326
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3.486.510.883	3.089.760.326
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		932.385.383.333	819.713.613.586

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		243.162.839.553	215.393.275.042
I. Nợ ngắn hạn	310		203.431.535.553	181.011.459.042
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	62.848.765.963	59.076.164.253
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	95.792.926.555	79.666.379.376
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.714.026.835	3.187.195.413
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	15.450.054.200	13.924.720.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	-	12.000.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	27.625.762.000	25.145.000.000
II. Nợ dài hạn	330		39.731.304.000	34.381.816.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	22.118.776.000	24.077.276.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	17.612.528.000	10.304.540.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		689.222.543.780	604.320.338.544
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	689.222.543.780	604.320.338.544
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		429.087.890.000	424.152.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		429.087.890.000	424.152.890.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		260.134.653.780	180.167.448.544
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		171.225.796.145	89.012.128.193
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		88.908.857.635	91.155.320.351
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		932.385.383.333	819.713.613.586

Hà Nam, ngày 25 tháng 08 năm 2023

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thị Phương Thảo

Dương Thị Thu Hiền

Trần Việt Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	148.852.564.040	144.009.673.930
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		148.852.564.040	144.009.673.930
4. Giá vốn hàng bán	11	21	133.107.827.415	125.637.295.946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.744.736.625	18.372.377.984
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	80.560.869.761	85.588.852.456
7. Chi phí tài chính	22	23	(1.721.333.834)	2.232.229.074
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		928.484.326	2.232.229.074
8. Chi phí bán hàng	25	26	465.083.959	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	7.253.524.155	5.463.718.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.308.332.106	96.265.283.347
11. Thu nhập khác	31	24	638.630.775	203.305.719
12. Chi phí khác	32	25	118.966.383	1.201.405.817
13. Lợi nhuận khác	40		519.664.392	(998.100.098)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.827.996.498	95.267.183.249
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.919.138.863	2.220.456.856
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		88.908.857.635	93.046.726.393

Hà Nam, ngày 25 tháng 08 năm 2023

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thị Phương Thảo

Dương Thị Thu Hiền

Trần Việt Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.827.996.498	95.267.183.249
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.376.532.699	7.831.547.826
- Các khoản dự phòng	03		(2.649.818.160)	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(81.169.960.669)	(84.981.152.456)
- Chi phí lãi vay	06		928.484.326	2.232.229.074
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.313.234.694	20.349.807.693
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(44.593.047.622)	(49.414.296.750)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.790.443.274	9.353.295.317
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.446.965.070	11.254.090.069
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.141.990.293	30.525.101
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(928.484.326)	(2.232.229.074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.241.981.935)	(2.696.424.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.929.119.448	(13.355.232.488)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.695.533.815)	(9.986.861.114)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		609.090.908	480.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(264.648.568)	(252.284.163)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		336.784.177	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		80.560.869.761	85.588.852.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		60.546.562.463	75.829.707.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.000.000.000	30.014.469.901
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.881.012.000)	(59.608.831.250)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.881.012.000)	(29.594.361.349)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		53.594.669.911	32.880.113.342
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.883.331.230	10.797.405.208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		71.478.001.141	43.677.518.550

Hà Nam, ngày 25 tháng 08 năm 2023

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đinh Thị Phương Thảo

Dương Thị Thu Hiền



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Ngày 12/05/2023, Công ty đã nhận sáp nhập Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 ngày 12/05/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 thay đổi lần thứ 26 cấp ngày 12 tháng 05 năm 2023 là 429.087.890.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi chín tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.*).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;

Chi tiết: Xây dựng công trình điện dân dụng (Không xây dựng và vận hành công trình điện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh).

- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Chi tiết: Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp từ 35 kV trở xuống, xây lắp và chuyển giao trạm cấp nước sinh hoạt; Thi công sản nhà công nghiệp; Thi công phòng chống và xử lý môi, một các công trình xây dựng (Không xây dựng và vận hành công trình điện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh).

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
Chi tiết: Sản xuất và dựng lắp khung nhà vì kèo sắt thép các loại.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
Chi tiết: Không kinh doanh dịch vụ nổ mìn.
- Chuẩn bị mặt bằng;
Chi tiết: Không kinh doanh dịch vụ nổ mìn.
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Không bao gồm xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng, tính nghiệm nén tĩnh và kiểm định chất lượng công trình.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: Đại lý bán vé xe khách.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
Chi tiết: Bến xe khách, xếp dỡ hàng hóa.
- Sản xuất lắp đặt các thiết bị xử lý nước mặt và nước ngầm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Nhân viên

Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2023 là: 97 người (Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2022 là 88 người).

Công ty có công ty con như sau:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700769736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 02 năm 2020.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700769376 thay đổi lần thứ 5 ngày 25/02/2020 là 303.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm linh ba tỷ đồng chẵn./.*).
- Trụ sở tại đường N1, nhà điều hành KCN hỗ trợ Đồng Văn III, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30/06/2023:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	65 %	65 %

+ Ngày 11/05/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt (Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt là công ty mẹ, nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết) đã hoàn tất thủ tục sáp nhập vào công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt. Do vậy, từ ngày 12/05/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt không còn là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt.

Công ty có các công ty liên kết như sau:

+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700792992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2017.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0700792992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2017 là 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn./.)
- Trụ sở tại Khu công nghiệp Đồng Văn III, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30/06/2023:

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	39%	39%

Công ty có chi nhánh như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Đầu tư Phát triển Thành Đạt - Chi nhánh Duy Tiên	Thôn Dũ Phố, xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2.5. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Tài sản khác	02 - 05 năm

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí cấp quyền khai thác mỏ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

2.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm của sản phẩm hàng hóa bán ra trong kỳ kế toán.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

2.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Thuế suất thuế GTGT đối với hợp đồng xây dựng, bê tông thương phẩm,...: 8% và 10%.
- Thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: Công ty áp dụng theo quy định của luật thuế hiện hành.

2.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, hoạt động xây lắp, hoạt động khác.

Khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Hà Nam nên công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	1.546.706.974	1.552.191.922
Tiền gửi ngân hàng	19.694.718.824	16.331.139.308
Các khoản tương đương tiền (*)	50.236.575.343	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	20.093.424.658	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam	10.049.726.027	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	20.093.424.658	-
Cộng	71.478.001.141	17.883.331.230

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền:

- Khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 384/2023/18235 ngày 24 tháng 05 năm 2023, số tiền gốc là 20 tỷ đồng, lãi nhập gốc là 93.424.658 VND, thời hạn gửi 01 tháng, lãi suất 5,5%/năm.

- Khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 24/23/HĐTG/NGB ngày 24 tháng 05 năm 2023, số tiền gốc là 10 tỷ đồng, lãi nhập gốc là 49.726.027 VND, thời hạn gửi 01 tháng, lãi suất 5,5%/năm.

- Khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2023/423110/HDTG ngày 24 tháng 05 năm 2023, số tiền gốc là 20 tỷ đồng, lãi nhập gốc là 93.424.658 VND, thời hạn gửi 01 tháng, lãi suất 5,5%/năm.

4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	146.991.271.004	(2.826.528.769)	100.750.645.955	(2.826.528.769)
Phải thu khách hàng (chi tiết chiếm tỷ trọng lớn trên tổng khoản phải thu)	92.685.485.416	-	48.534.361.400	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình PLC	29.444.336.162	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	24.754.451.854	-	5.754.438.000	-
- Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Việt Nam Kiến Hưng	3.333.436.400	-	7.626.662.400	-
- Ban QLDA XD TP Phủ Lý, HTKT Cụm Kien Khê I	35.153.261.000	-	35.153.261.000	-
Phải thu khách hàng khác	54.305.785.588	(2.826.528.769)	52.216.284.555	(2.826.528.769)
Cộng	146.991.271.004	(2.826.528.769)	100.750.645.955	(2.826.528.769)
b) Phải thu khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bến xe Thành Đạt	-	-	1.701.123.434	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	24.754.451.854	-	5.754.438.000	-
Cộng	24.754.451.854	-	7.455.561.434	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Toà nhà An Thịnh	1.000.403.580	-	1.000.403.580	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phát An	1.271.000.000	-	1.271.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Hà	987.900.000	-	987.900.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huyền Quý	1.023.679.000	-	1.023.679.000	-
- Trung tâm Quy hoạch Xây dựng Hà Nam	860.642.000	-	860.642.000	-
- Công ty TNHH Trương Thành Công	1.136.145.500	-	-	-
- Các đối tượng khác	4.174.159.783	-	1.596.567.158	-
Cộng	10.453.929.863	-	6.740.191.738	-

6 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	138.002.325	-	32.516.126	-
- Phải thu khác	138.002.325	-	32.516.126	-
b) Dài hạn	52.236.530.682	-	52.236.530.682	-
- Phải thu dài hạn khác	51.588.970.000	-	51.588.970.000	-
+ Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (i)	30.774.529.600	-	30.774.529.600	-
+ Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Phủ Lý (ii)	13.525.186.400	-	13.525.186.400	-
+ Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Duy Tiên (iii)	7.289.254.000	-	7.289.254.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	647.560.682	-	647.560.682	-
Cộng	52.374.533.007	-	52.269.046.808	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan

(i) Thỏa thuận liên danh ngày 05/07/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt và Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao ngã ba Hòa Mạc đến đường ĐH-05 (từ Km0+00 đến Km2+560,41).

(ii) Là khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ Lý để bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại, dịch vụ và nhà ở Thành Đạt tại xã Liêm Tuyền và xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam".

(iii) Là khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên để bồi thường giải phóng mặt bằng dự án "Đầu tư xây dựng Cảng Yên Lệnh Bắc tại địa bàn xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023***7 HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	7.397.393.187	-	11.988.007.000	-
Công cụ, dụng cụ	26.767.100	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	78.029.326.773	-	100.727.040.471	-
Thành phẩm nhập kho	1.227.943.387	-	1.227.943.387	-
Hàng hóa	1.341.472.017	-	-	-
Cộng	88.022.902.464	-	113.942.990.858	-

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn	201.937.194	673.841.815
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	201.937.194	673.841.815
b) Dài hạn	3.486.510.883	3.089.760.326
- Chi phí trả trước dài hạn	3.486.510.883	3.089.760.326
Cộng	3.688.448.077	3.763.602.141

9 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
Xây dựng cơ bản dở dang	101.261.823.991	77.324.115.175
+ Dự án Cảng Yên Lệnh Bắc	98.908.122.792	74.810.612.634
+ Dự án Trung tâm Thương mại Liêm Tuyền	1.084.436.364	1.769.677.268
+ Dự án xây dựng Gara ô tô	1.032.901.199	743.825.273
+ Trung tâm thương mại Bến xe	236.363.636	-
Cộng	101.261.823.991	77.324.115.175

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

10 NỢ XẤU

	30/06/2023			01/01/2023			Đơn vị tính : VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
- Các khoản phải thu ngắn hạn	2.826.528.769	-	(2.826.528.769)	2.826.528.769	-	(2.826.528.769)	
+ Ban GPMB BTHT và TĐC - Tái định cư khu vườn tổng xã Liêm Cần	5.931.500	-	(5.931.500)	5.931.500	-	(5.931.500)	
+ Công ty Cổ phần Tasco Trường Phát	200.001.840	-	(200.001.840)	200.001.840	-	(200.001.840)	
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Hà An	174.182.500	-	(174.182.500)	174.182.500	-	(174.182.500)	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lam Phương	512.020.000	-	(512.020.000)	512.020.000	-	(512.020.000)	
+ Trường THPT Phỷ Lý B	103.454.000	-	(103.454.000)	103.454.000	-	(103.454.000)	
+ UBND thị trấn Kiện Khê	41.676.000	-	(41.676.000)	41.676.000	-	(41.676.000)	
+ Viện KSND tỉnh Hà Nam	125.184.000	-	(125.184.000)	125.184.000	-	(125.184.000)	
+ Công ty Cổ phần An Phú Hưng- Khu chế biến Bình Nghĩa	71.461.000	-	(71.461.000)	71.461.000	-	(71.461.000)	
+ Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Đức Phát	50.006.030	-	(50.006.030)	50.006.030	-	(50.006.030)	
+ Công ty Cổ phần Phát triển Phương Tây	24.700.000	-	(24.700.000)	24.700.000	-	(24.700.000)	
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Việt	5.890.000	-	(5.890.000)	5.890.000	-	(5.890.000)	
+ Công ty TNHH Incosys	57.300.000	-	(57.300.000)	57.300.000	-	(57.300.000)	
+ Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	57.800.001	-	(57.800.001)	57.800.001	-	(57.800.001)	
+ Công ty TNHH TM và Xây dựng Thiên Thành Phát Việt Nam	40.389.998	-	(40.389.998)	40.389.998	-	(40.389.998)	
+ Công ty TNHH Xây dựng và TM Nam Phúc	61.245.000	-	(61.245.000)	61.245.000	-	(61.245.000)	
+ Xí nghiệp thi công hạ tầng - Công ty thi công cơ giới Viglacera	33.214.400	-	(33.214.400)	33.214.400	-	(33.214.400)	
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Toàn Cầu	50.600.000	-	(50.600.000)	50.600.000	-	(50.600.000)	
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	657.610.000	-	(657.610.000)	657.610.000	-	(657.610.000)	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khánh Đạt	553.862.500	-	(553.862.500)	553.862.500	-	(553.862.500)	
Cộng	2.826.528.769	-	(2.826.528.769)	2.826.528.769	-	(2.826.528.769)	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

30/06/2023

01/01/2023

	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
+ Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (i)	5.671.801.351	5.671.801.351	-	5.407.152.783	5.407.152.783	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	5.671.801.351	5.671.801.351	-	5.407.152.783	5.407.152.783	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	5.355.390.938	5.355.390.938	-	5.105.234.450	5.105.234.450	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	316.410.413	316.410.413	-	301.918.333	301.918.333	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào Công ty con	266.674.900.000	(*)	(14.344.136.086)	331.674.900.000	(*)	(16.993.954.246)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam - tỷ lệ sở hữu 65%	227.674.900.000	(*)	-	292.674.900.000	(*)	(2.649.818.160)
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt - tỷ lệ sở hữu 100%	227.674.900.000	(*)	-	227.674.900.000	(*)	-
- Đầu tư vào Công ty liên kết	39.000.000.000	(*)	(14.344.136.086)	39.000.000.000	(*)	(14.344.136.086)
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam - tỷ lệ sở hữu 39%	39.000.000.000	(*)	(14.344.136.086)	39.000.000.000	(*)	(14.344.136.086)
Cộng	272.346.701.351	(*)	(14.344.136.086)	337.082.052.783	(*)	(16.993.954.246)

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam ngày 09/03/2023 số tiền là 5.355.390.938 VND.

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam ngày 18/01/2023 số tiền là 316.410.413 VND.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty con trong kỳ:

- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: Kinh doanh dịch vụ bến xe, bán lẻ xăng dầu các loại, bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh khách sạn. Ngày 11/05/2023 công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt đã hoàn tất thủ tục sáp nhập vào công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt. Do vậy, từ ngày 12/05/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt không còn là công ty con.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: Cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ quản lý hạ tầng khu công nghiệp.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty liên kết trong kỳ:

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: Kinh doanh vận tải đường bộ, dịch vụ hải quan, cước tàu nội địa, cước tàu quốc tế...

Các giao dịch của yếu tố của Công ty với các công ty con trong kỳ:

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến Xe Thành Đạt cung cấp xăng, dầu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt và từ ngày 12/05/2023 công ty đã sáp nhập với Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	72.061.185.671	100.179.033.597	41.705.982.915	848.685.454	4.123.733.214	218.918.620.851
Tăng trong kỳ	78.124.823.045	2.579.969.030	-	-	675.450.000	81.380.242.075
- Đầu tư XDCB hoàn thành	508.286.358	-	-	-	-	508.286.358,00
- Tăng do sáp nhập	77.616.536.687	2.579.969.030	-	-	675.450.000	80.871.955.717
Giảm trong kỳ	-	-	(6.143.149.092)	-	-	(6.143.149.092)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.143.149.092)	-	-	(6.143.149.092)
Số dư cuối kỳ	150.186.008.716	102.759.002.627	35.562.833.823	848.685.454	4.799.183.214	294.155.713.834
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.551.134.687	54.939.148.874	26.028.905.751	817.498.587	4.123.733.214	95.460.421.113
Tăng trong kỳ	5.731.450.359	4.524.031.067	1.814.985.060	14.393.940	7.087.083	12.091.947.509
- Số khấu hao trong kỳ	1.643.855.745	3.897.669.204	1.814.985.060	14.393.940	5.628.750	7.376.532.699
- Tăng do sáp nhập	4.087.594.614	626.361.863	-	-	1.458.333	4.715.414.810
Giảm trong kỳ	-	-	(6.143.149.092)	-	-	(6.143.149.092)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.143.149.092)	-	-	(6.143.149.092)
Số dư cuối kỳ	15.282.585.046	59.463.179.941	21.700.741.719	831.892.527	4.130.820.297	101.409.219.530
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	62.510.050.984	45.239.884.723	15.677.077.164	31.186.867	-	123.458.199.738
2. Tại ngày cuối kỳ	134.903.423.670	43.295.822.686	13.862.092.104	16.792.927	-	192.746.494.304

- Giá trị còn lại của tài sản thế chấp cầm cố tại ngày 30/06/2023: 30.094.098.322 VND

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết, đang sử dụng tại ngày 30/06/2023: 39.890.459.051 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngân hàng VND</i>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (1)	27.625.762.000	27.625.762.000	30.345.762.000	27.865.000.000	25.145.000.000	25.145.000.000
<i>Vay cá nhân và tổ chức khác (2)</i>	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	13.305.000.000	13.305.000.000	13.305.000.000
- Ông Nguyễn Huy Cương	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	13.305.000.000	13.305.000.000	13.305.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Thuyết	18.029.762.000	18.029.762.000	21.169.762.000	14.140.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
- Ông Nguyễn Văn Phụng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Bà Vũ Thị Hoa	6.783.825.000	6.783.825.000	6.783.825.000	-	-	-
- Bà Trương Thị Hiền	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000	-	-	-
- Bà Vũ Thị Kim Oanh	1.327.245.000	1.327.245.000	3.327.245.000	2.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Trí Dũng	1.218.692.000	1.218.692.000	1.218.692.000	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	1.140.000.000	1.140.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (3)	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Vay dài hạn</i>	3.096.000.000	3.096.000.000	2.676.000.000	420.000.000	840.000.000	840.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (3)	3.096.000.000	3.096.000.000	2.676.000.000	420.000.000	840.000.000	840.000.000
b) Vay dài hạn	17.612.528.000	17.612.528.000	11.305.000.000	3.997.012.000	10.304.540.000	10.304.540.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (3)	8.621.000.000	8.621.000.000	11.305.000.000	3.804.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000
- Vốn vay do UBND tỉnh Hà Nam vay lại từ Chính phủ (4)	8.991.528.000	8.991.528.000	-	193.012.000	9.184.540.000	9.184.540.000
Cộng	45.238.290.000	45.238.290.000	41.650.762.000	31.862.012.000	35.449.540.000	35.449.540.000
Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan						
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Trí Dũng	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ông Nguyễn Huy Cương	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Thuyết	6.783.825.000	6.783.825.000	6.783.825.000	-	-	-
Cộng	11.783.825.000	11.783.825.000	11.783.825.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

13 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các hợp đồng vay của công ty như sau:

- (1) Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 436/22/HĐHM/NQ71 ngày 28/12/2022 giữa Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam, tổng hạn mức 4.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay: thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là tài sản của bên liên quan, cụ thể là tài khoản tiền gửi tiết kiệm số 495/20/HĐTC/NQ71 ngày 25/11/2020 của ông Nguyễn Huy Cương và bà Phạm Thị Loan. Đây là khoản vay của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt, từ ngày 12/05/2023 do sáp nhập với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt nên khoản vay này Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt có nghĩa vụ kế thừa.
- (1) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 446/22/HĐHM/NQ71 ngày 27/12/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam, hạn mức cho vay 13.590.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 12 tháng, lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay hiện tại là 9,0%/năm, mục đích vay là thanh toán tiền hàng của công ty, tài sản đảm bảo là tài sản của bên liên quan là các sổ tiết kiệm của vợ chồng ông Nguyễn Quang Trí - bà Nguyễn Thanh Tâm, vợ chồng ông Nguyễn Huy Cương - bà Phạm Thị Loan và quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Thanh Tâm.
- (2) Vay cá nhân và các tổ chức khác là các hợp đồng vay có thời hạn 12 tháng, không lãi suất và không có tài sản thế chấp.
- (3) Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn 138/20/HĐHM/5C92 ngày 28/04/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam, tổng số tiền cho vay là : 4.200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất quy định theo từng thời kỳ, mục đích vay: thanh toán chi phí mua xe ben tự đổ Howo theo hợp đồng kinh tế số 0015/20200401/VUDV/HĐKT-109 ngày 01/04/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam, tài sản đảm bảo là 5 xe ô tô ben tự đổ Howo.
- (3) Hợp đồng cho vay từng lần trung, dài hạn số 446/22/HĐTL/NQ71 ngày 27/12/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam, hạn mức cho vay 14.080.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất quy định theo từng thời kỳ, mục đích vay: tài trợ cho nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án mua 01 bộ Cầu cột cố định hiệu Macgregor model GL4524/4057/3630-2 và 01 cầu trục cố định GL4526/402, tài sản đảm bảo là các tài sản của các bên liên quan cụ thể là các sổ tiết kiệm của vợ chồng ông Nguyễn Quang Trí - bà Nguyễn Thanh Tâm, vợ chồng ông Nguyễn Huy Cương - bà Phạm Thị Loan và quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Quang Trí - bà Nguyễn Thanh Tâm.
- (4) Vốn vay do UBND tỉnh Hà Nam vay lại từ Chính phủ theo Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/01/2019, số tiền vay: 10.942.888.002 VNĐ, thời hạn vay là 21 năm, lãi suất: 2%/năm, mục đích vay: thực hiện dự án Nước sạch Liêm Tuyền - Liêm Kiệt, tài sản đảm bảo: nhà máy nước sạch Liêm Tuyền - Liêm Kiệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	62.848.765.963	62.848.765.963	59.076.164.253	59.076.164.253
Các khoản phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn	35.569.238.898	35.569.238.898	35.493.249.898	35.493.249.898
- Công ty TNHH Huấn Thu	10.097.863.898	10.097.863.898	6.507.038.898	6.507.038.898
- Công ty TNHH Thương mại Hà Hiệu	5.469.224.500	5.469.224.500	2.334.530.000	2.334.530.000
- Công ty TNHH Nguyễn Kim	2.279.512.500	2.279.512.500	7.169.995.000	7.169.995.000
- Công ty TNHH Thiết bị Nâng Hải Phòng	234.850.000	234.850.000	6.862.720.000	6.862.720.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	17.487.788.000	17.487.788.000	12.618.966.000	12.618.966.000
Các khoản phải trả người bán khác	27.279.527.065	27.279.527.065	23.582.914.355	23.582.914.355
Cộng	62.848.765.963	62.848.765.963	59.076.164.253	59.076.164.253
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt	-	-	362.737.890	362.737.890
Cộng	-	-	362.737.890	362.737.890
15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN			30/06/2023	01/01/2023
- Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai - HTKT			28.618.399.800	28.618.399.800
- Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT			50.798.017.600	50.798.017.600
- Công ty TNHH Vinmanutech Hà Nam			15.650.420.593	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác			726.088.562	249.961.976
Cộng			95.792.926.555	79.666.379.376
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan			-	-
16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
a) Phải nộp	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	30/06/2023
- Thuế Giá trị gia tăng	-	14.842.916.879	14.842.916.879	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.978.208.050	1.919.138.863	3.446.092.233	1.451.254.680
- Thuế Thu nhập cá nhân	13.318.695	-	13.318.695	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	99.668.668	168.825.940	101.722.453	166.772.155
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	65.636.604	65.636.604	-
- Thuế tài nguyên	96.000.000	-	-	96.000.000
- Các loại thuế khác	-	67.348.480	67.348.480	-
Cộng	3.187.195.413	17.063.866.766	18.537.035.344	1.714.026.835

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023***16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	30/06/2023
b) Phải thu				
- Thuế Giá trị gia tăng	759.159.856	-	-	759.159.856
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	190.798	190.798
Cộng	759.159.856	-	190.798	759.350.654

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn	15.450.054.200	13.924.720.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	212.000.000	81.000.000
- Chi phí thi công phải trả	15.238.054.200	13.843.720.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	15.450.054.200	13.924.720.000

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn	-	12.000.000
- Các khoản phải trả khác	-	12.000.000
Cộng	-	12.000.000
b) Dài hạn	22.118.776.000	24.077.276.000
- Công ty Cổ phần Cát Đại Lợi (*)	-	2.191.500.000
- UBND tỉnh Hà Nam (**)	21.885.776.000	21.885.776.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	233.000.000	-
Cộng	22.118.776.000	24.077.276.000

(*) Nhận tiền đầu tư hợp tác kinh doanh tại Chi nhánh Duy Tiên.

(**) Quyết định số 295/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam ngày 31/01/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình tiểu dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch xã Liêm Tuyền, Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam thuộc hợp phần cấp nước chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tỉnh Hà Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	307.360.250.000	-	144.333.748.193	451.693.998.193
Tăng vốn trong năm trước	116.792.640.000	-	-	116.792.640.000
Lãi trong năm trước	-	-	91.155.320.351	91.155.320.351
Phân phối lợi nhuận	-	-	(55.321.620.000)	(55.321.620.000)
Số dư đầu năm nay	424.152.890.000	-	180.167.448.544	604.320.338.544
Lãi trong kỳ	-	-	88.908.857.635	88.908.857.635
Phát hành cổ phiếu trả ESOP	4.935.000.000	-	-	4.935.000.000
Giảm do sáp nhập	-	-	(4.006.652.399)	(4.006.652.399)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(4.935.000.000)	(4.935.000.000)
Số dư cuối kỳ này	429.087.890.000	-	260.134.653.780	689.222.543.780

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/06/2023	30/06/2023	01/01/2023
- Ông Nguyễn Huy Cường	29,60%	127.000.850.000	126.480.850.000
- Bà Nguyễn Thanh Tâm	5,86%	25.163.740.000	24.733.740.000
- Ông Nguyễn Quang Trí	5,29%	22.687.690.000	22.257.690.000
- Các đối tượng khác	59,25%	254.235.610.000	250.680.610.000
Cộng	100%	429.087.890.000	424.152.890.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
- Vốn góp đầu năm	424.152.890.000	307.360.250.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	4.935.000.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	429.087.890.000	307.360.250.000
Cổ phiếu	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.908.789	42.415.289
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	42.908.789	42.415.289
- Cổ phiếu phổ thông	42.908.789	42.415.289
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.908.789	42.415.289
- Cổ phiếu phổ thông	42.908.789	42.415.289
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠTĐịa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý,
tỉnh Hà Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC***Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
20 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán bê tông	24.004.517.803	31.405.007.267
- Doanh thu xây lắp	104.116.925.378	107.588.562.873
- Doanh thu bán xăng dầu	11.956.471.332	-
- Doanh thu khách sạn	5.964.760.066	3.308.042.029
- Doanh thu khác	2.809.889.461	1.708.061.761
Cộng	148.852.564.040	144.009.673.930
Doanh thu các bên liên quan	56.861.321.431	74.140.210.573
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	56.820.059.931	74.074.074.073
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bến xe Thành Đạt	41.261.500	66.136.500
21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
- Giá vốn bán bê tông	19.967.892.114	29.014.687.126
- Giá vốn xây lắp	96.358.462.652	94.644.846.766
- Giá vốn bán xăng dầu	11.848.708.867	-
- Giá vốn khách sạn	3.901.398.620	1.496.869.846
- Giá vốn khác	1.031.365.162	480.892.208
Cộng	133.107.827.415	125.637.295.946
22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	711.441.403	263.540.584
Lãi từ các khoản đầu tư	79.849.428.358	85.325.311.872
Cộng	80.560.869.761	85.588.852.456
23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	928.484.326	2.232.229.074
Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư	946.254.479	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(3.596.072.639)	-
Cộng	(1.721.333.834)	2.232.229.074
24 THU NHẬP KHÁC		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	609.090.908	-
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-
- Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định	609.090.908	-
Các khoản thu nhập khác	29.539.867	203.305.719
Cộng	638.630.775	203.305.719

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
25 CHI PHÍ KHÁC		
Lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	-	607.700.000
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	1.087.700.000
- Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định	-	480.000.000
Các khoản phạt hành chính	118.966.383	593.705.817
Cộng	118.966.383	1.201.405.817
26 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	7.253.524.155	5.463.718.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	423.032.706	451.136.820
Chi phí nhân công	1.071.964.925	1.390.696.222
Chi phí bảo hành, bảo lãnh	2.427.743.198	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.330.783.326	3.621.884.977
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	465.083.959	-
Chi phí nhân công	465.083.959	-
Cộng	7.253.524.155	5.463.718.019
27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.999.884.983	92.251.555.475
Chi phí nhân công	1.537.048.884	2.881.862.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.376.532.699	7.831.547.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.782.506.115	16.668.688.879
Chi phí bằng tiền khác	3.591.080.558	2.581.855.782
Cộng	101.287.053.239	122.215.510.199
28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.827.996.498	95.267.183.249
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	552.434.163	805.722.484
+ Chi phí không được trừ	330.983.050	805.722.484
+ Lỗ của chi nhánh Duy Tiên	221.451.113	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	81.784.736.345	85.325.311.872
+ Cổ tức được chia trong kỳ	79.849.428.358	85.325.311.872
+ Lỗ được chuyển sang của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt do sáp nhập	1.935.307.987	-
Truy thu thuế TNDN của các năm trước	-	70.938.084
Thu nhập chịu thuế	9.595.694.316	10.747.593.861
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.919.138.863	2.220.456.856

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023***29 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****a. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ trong tương lai****b. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng****c. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ****Từ 01/01/2023****Từ 01/01/2022****đến 30/06/2023****đến 30/06/2022**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

2.000.000.000

30.014.469.901

Cộng**2.000.000.000****30.014.469.901****d. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ****Từ 01/01/2023****Từ 01/01/2022****đến 30/06/2023****đến 30/06/2022**

- Số tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

17.881.012.000

59.608.831.250

Cộng**17.881.012.000****59.608.831.250****30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này	Chỉ tiêu	Bán bê tổng	Hợp đồng xây dựng	Khách sạn	Xăng dầu	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu		24.004.517.803	104.116.925.378	5.964.760.066	11.956.471.332	2.809.889.461	148.852.564.040
Giảm trừ doanh thu		-	-	-	-	-	-
Giá vốn		19.967.892.114	96.358.462.652	3.901.398.620	11.848.708.867	1.031.365.162	133.107.827.415
Lợi nhuận gộp		4.036.625.689	7.758.462.726	2.063.361.446	107.762.465	1.778.524.299	15.744.736.625
Tổng tài sản							932.385.383.333
Nợ phải trả							243.162.839.553
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							(20.695.533.815)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							7.406.025.123
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)							-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Kỳ trước	Chỉ tiêu	Bán bê tông	Hợp đồng xây dựng	Khách sạn	Xăng dầu	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu		31.405.007.267	107.588.562.873	3.308.042.029	-	1.708.061.761	144.009.673.930
Giảm trừ doanh thu		-	-	-	-	-	-
Giá vốn		29.014.687.126	94.644.846.766	1.496.869.846	-	480.892.208	125.637.295.946
Lợi nhuận gộp		2.390.320.141	12.943.716.107	1.811.172.183	-	1.227.169.553	18.372.377.984
Tổng tài sản							821.772.877.542
Nợ phải trả							277.032.152.956
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							(9.986.861.114)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							8.894.412.333
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)							-

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại thị trường trong nước cụ thể Hà Nam, chiếm hơn 90% trên tổng doanh thu trong kỳ nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

32 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương	71.478.001.141	-	17.883.331.230	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	199.365.804.011	(2.826.528.769)	153.019.692.763	(2.826.528.769)
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	5.671.801.351	-	5.407.152.783	-
Đầu tư dài hạn	266.674.900.000	(14.344.136.086)	331.674.900.000	(16.993.954.246)
Cộng	543.190.506.503	(17.170.664.855)	507.985.076.776	(19.820.483.015)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	45.238.290.000	35.449.540.000
Phải trả người bán, phải trả khác	84.967.541.963	83.165.440.253
Chi phí phải trả	15.450.054.200	13.924.720.000
Cộng	145.655.886.163	132.539.700.253

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.478.001.141	-	-	71.478.001.141
Phải thu khách hàng, phải thu khác	144.302.744.560	52.236.530.682	-	196.539.275.242
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Cộng	215.780.745.701	52.236.530.682	-	268.017.276.383

Tại ngày 01/01/2023

Tiền và các khoản tương đương tiền	17.883.331.230	-	-	17.883.331.230
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.956.633.312	52.236.530.682	-	150.193.163.994
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Cộng	115.839.964.542	52.236.530.682	-	168.076.495.224

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	27.625.762.000	17.612.528.000	-	45.238.290.000
Phải trả người bán, phải trả khác	62.848.765.963	22.118.776.000	-	84.967.541.963
Chi phí phải trả	15.450.054.200	-	-	15.450.054.200
Cộng	105.924.582.163	39.731.304.000	-	145.655.886.163
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	25.145.000.000	10.304.540.000	-	35.449.540.000
Phải trả người bán, phải trả khác	59.088.164.253	24.077.276.000	-	83.165.440.253
Chi phí phải trả	13.924.720.000	-	-	13.924.720.000
Cộng	98.157.884.253	34.381.816.000	-	132.539.700.253

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

33 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan:
Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan có giao dịch với Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Huy Cường	Hà Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Việt Đức	Hà Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Tâm	Hà Nam	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuyết	Hà Nam	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Trí	Hà Nam	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quang Anh	Hà Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Dụ	Hà Nam	Thành viên ban kiểm soát
Ông Phạm Văn Hà	Hà Nam	Thành viên ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Hà Nam	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt	Hà Nam	Công ty con đến ngày 12/05/2023
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	Hà Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Trí Dũng	Hà Nam	Cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Quang Anh	Hà Nam	Thành viên chủ chốt của 2 công ty có mối quan hệ gia đình

Ngoài ra bên liên quan còn bao gồm những các cá nhân có liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật như bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột....

Giao dịch với các bên liên quan:

Ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã thuyết minh ở trên, những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nghịệp vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
		Số tiền VND	Số tiền VND
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.450.725	76.056.975
	Bù trừ công nợ	-	26.107.019
	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.990.342.260	10.678.713.550
	Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	4.239.810.410	13.199.702.395
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	62.502.065.924	80.000.000.000
	Thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	43.488.443.320	65.000.000.000
	Cổ tức được chia	79.849.428.358	85.325.311.872
	Thu tiền cổ tức	79.849.428.358	85.325.311.872
Công ty TNHH Quang Anh	Mua hàng hóa, dịch vụ	410.190.000	427.801.500
	Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	410.190.000	427.801.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
		(VND)	(VND)
Ông Nguyễn Huy Cường	Chủ tịch HĐQT	64.745.284	69.823.345
Ông Trần Việt Đức	Tổng Giám đốc	46.915.000	45.930.769
Bà Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	32.400.000	29.967.923
Ông Nguyễn Quang Trí	Phó Tổng giám đốc	32.400.000	29.967.923
Ông Nguyễn Đức Dụ	Thành viên Ban kiểm soát	46.080.000	44.160.000
Ông Phạm Văn Hà	Thành viên Ban kiểm soát	39.240.000	36.037.077
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên Ban kiểm soát	32.400.000	10.626.923
Tổng cộng		294.180.284	266.513.960

34 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên bảng Cân đối kế toán riêng trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam soát xét.

35 CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ KẾ TOÁN

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ- ĐHĐCĐ ngày 20/04/2023 đã thông qua việc sáp nhập công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt. Đến ngày 11/05/2023, Công ty đã hoàn tất các thủ tục với cơ quan nhà nước để sáp nhập công ty con vào công ty mẹ.

Tài sản mang sang

	Giá trị tại ngày sáp nhập VND
Tài sản ngắn hạn	12.564.113.619
Tài sản dài hạn	77.205.227.136
Nợ phải trả ngắn hạn	28.542.993.154
Nợ phải trả dài hạn	233.000.000
Nguồn vốn	60.993.347.601

Sau khi chuyển giá trị tại ngày sáp nhập sang công ty mẹ, trong kỳ công ty mẹ đã đối trừ công nợ giữa công ty mẹ và công ty con và các khoản đầu tư tương ứng với phần vốn góp của công ty con. Cụ thể như sau:

Bù trừ công nợ phải thu, phải trả giữa công ty con và công ty mẹ	1.861.843.899
Bù trừ khoản đầu tư vào công ty với vốn góp của chủ sở hữu	65.000.000.000

- Trong kỳ, công ty đã tăng vốn lên 4.935.000.000 VND và đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 25 ngày 16 tháng 03 năm 2023 và sau sáp nhập công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 ngày 12 tháng 05 năm 2023.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc công ty cho rằng không có sự kiện phát sinh nào trọng yếu cần phải trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

37 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

38 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

NGƯỜI LẬP



Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Dương Thị Thu Hiền

Hà Nam, ngày 25 tháng 08 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Đức